

Bản án số: 731/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2019

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Bùi Ngọc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03-9-2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị N , sinh năm 198 ; Thường trú: P, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn M , sinh năm 198; Thường trú: 2/23, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: Bà N có đơn yêu cầu vắng mặt, ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14-02-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tuấn M tự nguyện chung sống năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T , quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184 ngày 11-6-2008.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M không quan tâm chăm lo cho gia đình, vợ chồng không còn tôn trọng nhau trong cuộc sống. Bà đã nhiều lần khuyên

can nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8-2012 cho đến nay, mỗi người ở một nơi không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông M để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Bà và ông M có hai con chung tên Nguyễn Trương Gia B , sinh ngày 09-6-2000 và Nguyễn Trương Quỳnh N , sinh ngày 27-7-2001 . Hiện tại trẻ Gia B đang ở với ông M còn trẻ Quỳnh N thì đang ở với bà. Do đó, khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi trẻ Quỳnh N , giao trẻ Gia B cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi một con nên bà không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà và ông M tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do ông M vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn - bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông M vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung vụ án:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N . Về quan hệ con chung: có hai con chung tên Nguyễn Trương Gia B , sinh ngày 09-6-2000 và Nguyễn Trương Quỳnh N , sinh ngày 27-7-2001 . Khi ly hôn, giao trẻ Quỳnh N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Gia B cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu. Về quan hệ tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 184 ngày 11-6-2008 do Ủy ban nhân dân phường T , quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị N và ông Nguyễn Tuấn M là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông M có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà N yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Toà án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông M theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông M vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông M không có mặt tại toà án để trình bày lời khai, không tham dự các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó, toà án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo kết quả xác minh địa phương thì giữa bà N và ông M không ở chung từ lâu. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích của hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa bà N và ông M đã có mâu thuẫn. Mặt khác, Toà án đã nhiều lần tổng đạt Giấy triệu tập đương sự, Thông báo hòa giải cho ông Mạnh tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay để tạo điều kiện hòa giải nhưng ông M đều vắng mặt, điều đó thể hiện ông M hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung:* Bà N và ông M có hai con chung tên Nguyễn Trương Gia B, sinh ngày 09-6-2000 và Nguyễn Trương Quỳnh N, sinh ngày 27-7-2001. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi trẻ Quỳnh N, giao trẻ Gia B cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì hiện tại trẻ Gia B đang ở cùng với ông M, trẻ Quỳnh N đang ở cùng với bà N. Xét, việc giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng là dựa vào quyền lợi của con. Để đảm bảo lợi ích mọi mặt của con, tránh xáo trộn cuộc sống của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Quỳnh N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Gia B cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà N xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0012677 ngày 27-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N .

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trương Thị N được ly hôn ông Nguyễn Tuấn M

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị N và ông Nguyễn Tuấn M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 184 ngày 11-6-2008 do Ủy ban nhân dân phường T , quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà N và ông M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về quan hệ con chung:* Giao trẻ tên Nguyễn Trương Gia B , sinh ngày 09-6-200 cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, giao trẻ Nguyễn Trương Quỳnh N , sinh ngày 27-7-201 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông M và bà N không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông M , bà N được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

2. Về án phí: Bà Trương Thị N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012677 ngày 27-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Trương Thị N , ông Nguyễn Tuấn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND Phường T ,
quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai